

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Vui;
2. Ông Nguyễn Văn Kim.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Võ Ngọc N, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**2. Bị đơn:** anh Phùng Khắc D, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; anh D vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Ngọc N trình bày:*

Chị Võ Ngọc N và anh Phùng Khắc D chung sống với nhau và tự nguyện kết hôn. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1. Sau khi kết hôn đến nay, vợ chồng chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, luôn luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Anh chị nhiều lần tạo cơ hội cho nhau để cùng thay đổi và hòa hợp nhưng không thành. Đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về nuôi con chung: chị N, anh D có 01 con chung tên là Phùng Thiên B1, sinh

ngày 25/10/2008. Hiện nay, cháu B1 đang sống với anh D. Khi ly hôn, chị đồng ý cho anh D được tiếp tục nuôi cháu B1, chị N không cấp dưỡng nuôi con. Từ trước đến nay cháu B1 sống với anh D ổn định, khỏe mạnh, lo cho cháu chu đáo và đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Do nhà xa và chị N bận công việc nên không đến dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại về sau.

Anh D vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2022, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị:*

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Ngọc N.

Về con chung: Phùng Thiên B1, sinh ngày 25/10/2008, sau khi ly hôn anh D trực tiếp nuôi con chung; chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 25/4/2022, chị Võ Ngọc N khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Khắc D. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị N có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh D là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị N:*

Chị N, anh D tự nguyện kết hôn vào năm 2006 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/9/2006. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, theo chị N, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, luôn luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Anh chị nhiều lần tạo cơ hội cho nhau để cùng thay đổi và hòa hợp nhưng không thành. Vợ chồng chị N ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị N xác định không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh. Đối với anh D, Tòa án đã triệu tập họp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Điều này có cơ sở khẳng định, anh D không còn tha thiết và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị N. Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 12/7/2022 của chị N thể hiện: từ ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện đến nay tình trạng của vợ chồng chị không có cải thiện; nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn không được tháo gỡ; từ năm 2020 đến nay vợ chồng chị N vẫn còn ly thân. Đến nay chị N vẫn còn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh D. Từ các căn cứ nêu trên có cơ sở khẳng định, tình trạng của vợ chồng chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh D, chị N có 01 con chung là Phùng Thiên B1, sinh ngày 25/10/2008. Khi ly hôn, chị N đồng ý cho anh D được tiếp tục nuôi cháu B1. Anh D vắng mặt không có lời trình bày nên Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được để giải quyết. Xét thấy, theo lời trình bày của chị N xác định: từ trước đến nay cháu B1 sống với anh D ổn định, khỏe mạnh, anh D lo cho cháu B1 chu đáo và đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu. Tại “Biên bản hỏi ý kiến con từ đủ 7 tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân gia đình” ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đối với cháu Phùng Thiên B1 thể hiện: khi chị N, anh D ly hôn, cháu B1 có mong muốn được sống với anh D. Mặt khác, cháu B1 sống với anh D đã lâu, cuộc sống đã ổn định không nên thay đổi người nuôi con làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Vì vậy, cần giao cháu B1 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: chị N không cấp dưỡng nuôi con. Anh D vắng mặt không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết anh D có quyền yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ

nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc N xin ly hôn đối với anh Phùng Khắc D;

\* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Võ Ngọc N với anh Phùng Khắc D.

\* Về nuôi con chung: giao con chung là Phùng Thiên B1, sinh ngày 25/10/2008 cho anh Phùng Khắc D trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Võ Ngọc N không cấp dưỡng nuôi con cho anh Phùng Khắc D.

Chị Võ Ngọc N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

\* Về chia tài sản chung và nợ chung: chị Võ Ngọc N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Võ Ngọc N không yêu cầu anh Phùng Khắc D cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

**2.** Về án phí: chị Võ Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007555 ngày 26/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- UBND xã T1;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Lê Thị Minh Trung**